

# Đề cương Kinh Tế Chính Trị

Bạn mình làm đề cương để ôn tập cuối kì dựa trên bài giảng và giáo trình của cô giáo gửi ạ .

## Câu 1 : Nền sản xuất hàng hóa

**Khái niệm:** sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức hoạt động kinh tế mà ở đó, những người sản xuất ra nhằm mục đích trao đổi, mua bán.

Sản xuất hàng hóa không xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện của xã hội loài người. Nền kinh tế hàng hóa có thể hình thành và phát triển khi **có các điều kiện:**

**Thứ nhất:** Phân công lao động xã hội. Phân công lao động xã hội là sự chuyên môn hóa sản xuất, phân chia lao động xã hội ra thành các ngành, các lĩnh vực sản xuất khác nhau.

Do sự phân công lao động xã hội nên việc trao đổi sản phẩm trở thành tất yếu. Khi có phân công lao động xã hội, mỗi người chỉ sản xuất một hoặc một vài thứ sản phẩm nhất định, nhưng nhu cầu của cuộc sống đòi hỏi họ phải có nhiều loại sản phẩm khác nhau, do đó, họ cần đến sản phẩm của nhau, buộc phải trao đổi với nhau. Phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa sản xuất đồng thời làm cho năng suất lao động tăng lên, sản phẩm thặng dư ngày càng nhiều nên càng thúc đẩy sự trao đổi sản phẩm.

Như vậy, phân công lao động xã hội là cơ sở, là tiền đề của sản xuất hàng hóa. Phân công lao động xã hội càng phát triển, thì sản xuất và trao đổi hàng hóa càng mở rộng hơn, đa dạng hơn.

**Thứ hai:** Sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất: những người sản xuất trở thành những chủ thể có sự độc lập nhất định với nhau. Do đó sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu của các chủ thể kinh tế, người này muốn tiêu dùng sản phẩm lao động của người khác cần phải thông qua trao đổi, mua bán hàng hoá.

Trong lịch sử, sự tách biệt này do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất quy định. Trong chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thì tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của mỗi cá nhân và kết quả là sản phẩm làm ra thuộc quyền sở hữu của họ.

Hai điều kiện trên cho thấy, phân công lao động xã hội làm cho những người sản xuất phụ thuộc vào nhau, còn sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế giữa những người sản xuất lại chia rẽ họ, làm cho họ độc lập với nhau. Đây là một mâu thuẫn. Mâu thuẫn này được giải quyết thông qua trao đổi, mua bán sản phẩm của nhau.

Đó là hai điều kiện cần và đủ của sản xuất hàng hóa. Thiếu một trong hai điều kiện đó sẽ không có sản xuất hàng hóa.

## **Mâu thuẫn của sản xuất hàng hóa**

Trong nền sx hàng hóa lao động tư nhân và lao động xã hội ko phải là hai lao động khác nhau, mà chỉ là hai mặt đối lập của một lao động thống nhất. Giữa lao động tư

nhân và lao động xã hội có mâu thuẫn với nhau. Đó là mâu thuẫn cơ bản của sản xuất hàng hóa. Điều này thể hiện ở chỗ:

Sp do người sx hàng hóa tạo ra có thể ko ăn khớp hoặc không phù hợp với nhu cầu xã hội.

Hao phí lao động cá biệt của người sx có thể cao hơn hoặc thấp hơn hao phí lao động xã hội có thể chấp nhận

### ***Ưu thế của nền sản xuất hàng hóa:***

Mục đích sản xuất nhằm trao đổi, mua bán để thu lợi nhuận nhằm tạo cho nhu cầu của người khác, của xã hội được thỏa mãn ngày một tốt hơn

Cạnh tranh là “tất yếu” của nền kinh tế hàng hóa nên nó đã thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động...lực lượng sản xuất không ngừng phát triển

Là nền sản xuất có tính chất “mở” nhằm tạo điều kiện cho sự giao lưu kinh tế, văn hóa giữa các địa phương, các vùng trong nước và giữa các nước phát triển, ngày càng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

## **Câu 2: Hai thuộc tính của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa**

**Khái niệm:** Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi, mua bán. Sản phẩm của lao động là hàng hóa khi nhằm đưa ra trao đổi, mua bán trên thị trường. Hàng hóa có thể ở dạng vật thể hoặc phi vật thể.

### ***Thuộc tính của hàng hóa***

Hàng hóa có 2 thuộc tính là giá trị sử dụng và giá trị

Giá trị sử dụng là công dụng của các vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. Ví dụ giá trị sử dụng của quyển sách là để đọc, áo là để mặc, cơm là để ăn,...

Giá trị sử dụng của hàng hóa là do thuộc tính tự nhiên của vật thể hàng hóa quyết định. Với ý nghĩa như vậy, giá trị sử dụng là phạm trù vĩnh viễn, là thuộc tính tự nhiên của vật, luôn tồn tại cùng với xã hội loài người.

Giá trị sử dụng chỉ thể hiện trong lĩnh vực tiêu dùng, chỉ khi nào con người sử dụng hàng hóa cho tiêu dùng thì giá trị đó mới phát huy tác dụng.

Trong nền kinh tế hàng hóa, giá trị sử dụng mang trên mình một giá trị trao đổi nhất định

Một vật khi đã là hàng hóa thì nhất thiết phải có một giá trị sử dụng nào đó, tuy nhiên không phải vật nào mang giá trị sử dụng cũng là hàng hóa. Ví dụ: Không khí

Giá trị của hàng hóa là một thuộc tính của hàng hoá, đó chính là lao động hao phí của người sản xuất để sản xuất ra nó đã được kết tinh vào trong hàng hoá.

Giá trị của hàng hoá là giá trị lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra hàng hoá đó và tính bằng thời gian lao động XH cần thiết.

Thời gian lao động XH cần thiết là thời gian lao động XH trung bình để sản xuất ra hàng hoá. Thời gian lao động XH cần thiết có thể thay đổi.

Có ba nhân tố cơ bản ảnh hưởng tới lượng giá trị của hàng hoá:

Thứ nhất, đó là năng suất lao động.

Thứ hai, đó là cường độ lao động.

Thứ ba là mức độ phức tạp của lao động.

*Giá trị hàng hóa biểu hiện mối quan hệ kinh tế giữa những người sản xuất, trao đổi hàng hóa và là phạm trù có tính lịch sử. Khi nào có sản xuất và trao đổi hàng hóa, khi đó có phạm trù giá trị hàng hóa. Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện ra bên ngoài của giá trị; giá trị là nội dung, là cơ sở của trao đổi. Khi trao đổi người ta ngầm so sánh lao động đã hao phí ẩn dấu trong hàng hóa với nhau. Trong thực hiện sản xuất hàng hóa, để thu được hao phí lao động đã kết tinh người sản xuất phải chú ý hoàn thiện giá trị sử dụng để được thị trường chấp nhận. Hàng hóa phải được bán đi.*

**Lượng giá trị của hàng hóa** là một khái niệm trong kinh tế chính trị Mac-Lenin chỉ về một đại lượng được đo bằng lượng lao động tiêu hao để sản xuất ra hàng hóa đó, lượng lao động tiêu hao đó được tính bằng thời gian lao động, cụ thể là thời gian lao động xã hội cần thiết. Lượng lao động xã hội cần thiết, hay thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa, mới quyết định đại lượng giá trị của hàng hóa.

**Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa:**

**Năng suất lao động:**

Năng suất lao động là năng lực sản xuất của lao động. Nó được đo bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc lượng thời gian lao động hao phí để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm.

Giá trị của hàng hóa tỷ lệ nghịch với năng suất lao động. Năng suất lao động lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

Trình độ khéo léo (thành thạo) trung bình của người công nhân

Mức độ phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ

Mức độ ứng dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất

Trình độ tổ chức quản lý

Quy mô và hiệu suất của tư liệu sản xuất

Các điều kiện tự nhiên.

Muốn tăng năng suất lao động phải hoàn thiện các yếu tố trên.

**Cường độ lao động** là mức độ khẩn trương, tích cực của hoạt động lao động trong sản xuất

**Hai** là tính chất phức tạp của lao động

Căn cứ vào mức độ phức tạp của lao động mà chia thành lao động giản đơn và lao động phức tạp

Lao động giản đơn là lao động mà một người lao động bình thường không cần phải trải qua đào tạo cũng có thể làm được.

Lao động phức tạp là lao động đòi hỏi phải được đào tạo, huấn luyện mới có thể làm được.

Trong cùng một đơn vị thời gian lao động như nhau, lao động phức tạp tạo ra nhiều giá trị hơn so với lao động giản đơn. Lao động phức tạp là lao động giản đơn được nhân bội lên. Đây là cơ sở lý luận để cả nhà quản trị và người lao động xác định mức thù lao cho phù hợp với tính chất của hoạt động lao động trong quá trình tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội.

### **Câu 3 : Nguồn gốc, bản chất và các chức năng của tiền**

***Nguồn gốc của tiền tệ:*** -Từ khi nền sản xuất hàng hóa ra đời, nhu cầu buôn bán trao đổi trở nên phổ biến-> cần có thước đo về giá trị của các hàng hóa, từ đó tiền tệ ra đời.

-Trải qua chiều dài lịch sử, tiền tệ đã trải qua bốn hình thái từ đơn giản đến phức tạp sau đây:**4 hình thái đo lường giá trị** đã có trong lịch sử:

Hình thái giản đơn: trao đổi đơn nhất một hàng hóa này lấy một hàng hóa khác.

Nguồn gốc: Hình thái này xuất hiện khi xã hội cộng đồng nguyên thủy tan rã, trao đổi lúc đầu mang tính chất ngẫu nhiên và trực tiếp.

Đặc điểm: Dựa trên sự trao đổi trực tiếp hàng- hàng, Việc trao đổi, tỉ lệ trao đổi là ngẫu nhiên

Hình thái mở rộng của giá trị: trao đổi thường xuyên một loại hàng hóa này lấy nhiều hàng hóa, phạm vi vật ngang giá được mở rộng.

Nguồn gốc: Lực lượng sx và phân công lao động XH phát triển hơn đưa đến kết quả là NSLĐ tăng lên, sp thặng dư nhiều hơn, do đó, trao đổi trở nên đều đặn và thường xuyên hơn. Khi đó giá trị có hình thái đầy đủ hay mở rộng.

Đặc điểm: Dựa trên trao đổi trực tiếp hàng- hàng, Mỗi hàng hóa có quá nhiều vật ngang giá

Hình thái chung của giá trị: chọn một vật ngang giá làm vật ngang giá chung.

Nguồn gốc: LLSX và phân công lao động xã hội tiếp tục phát triển cao hơn, trao đổi hàng hóa trở nên thường xuyên và mở rộng hơn nữa. Trong quá trình trao đổi, đã

xuất hiện một hàng hóa được mọi người thừa nhận là đại biểu cho giá trị có thể dùng để đổi lấy mọi hàng hóa. Hình thái chung của tiền tệ ra đời.

Đặc điểm: Trao đổi thông qua vật chung gian: hàng- vật ngang giá chung- hàng ,  
Mỗi cộng đồng có một vật ngang giá khác nhau.

Hình thái tiền tệ: xã hội chọn một vật ngang giá duy nhất để trao đổi ( tiền tệ )

Nguồn gốc: Khi lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội phát triển hơn nữa, sản xuất và thị trường ngày càng mở rộng thì việc có nhiều vật là vật ngang giá chung của từng vùng miền làm cho trao đổi khó khăn, do đó cần thiết phải hình thành vật ngang giá chung thống nhất và cố định. Khi vật ngang giá chung được cố định lại ở một hàng hóa độc tôn và phổ biến thì hình thái tiền tệ của giá trị xuất hiện.

### ***Bản chất của tiền tệ:***

Là một loại hàng hóa đặc biệt

Được xã hội chọn làm vật ngang giá duy nhất

Dùng để đo lường giá trị hàng hóa và làm phương tiện trung gian trao đổi.

Con người thường dùng vàng, bạc làm vật ngang giá trong trao đổi vì chúng có giá trị cao và có giá trị sử dụng đa dạng.

### ***Chức năng của tiền tệ***

Là thước đo giá trị: Con người dùng tiền để đo lường giá trị của mọi hàng hóa khác. Nếu so sánh giá trị tài sản trong dài hạn phải quy đổi tài sản sang vàng, bạc.

Là phương tiện cất trữ: Cất trữ là trạng thái đưa tiền tệ ra khỏi lưu thông.(phải dự trữ vàng, bạc không nên dự trữ tiền, do tiền dễ bị mất giá)

Là phương tiện lưu thông: Con người dùng tiền làm phương tiện trung gian trao đổi.  
H-T-H

Là phương tiện thanh toán: Dùng tiền để chi trả cho các nghĩa vụ kinh tế, làm gián đoạn quan hệ trao đổi H-H, xuất hiện mua bán trả chậm.

Chức năng tiền tệ thế giới: Dùng tiền để thanh toán thương mại quốc tế

Cho đến thế kỷ XIX, trao đổi buôn bán bằng vàng. Hiện nay, trao đổi bằng tiền tệ thông qua hệ thống tỉ giá hối đoái.

### **Câu 4: Vì sao tiền là hàng hóa đặc biệt**

#### ***Bản chất của tiền tệ:***

Là một loại hàng hóa đặc biệt

Được xã hội chọn làm vật ngang giá duy nhất

Dùng để đo lường giá trị hàng hóa và làm phương tiện trung gian trao đổi.

Con người thường dùng vàng, bạc làm vật ngang giá trong trao đổi vì chúng có giá trị cao và có giá trị sử dụng đa dạng.

***Tiền là một hàng hóa do lao động của con người tạo ra. Tiền phản ánh lao động xã hội và mối quan hệ giữa những người sản xuất và trao đổi hàng hóa.***

Thứ nhất, trước khi tiền tệ được đem ra là vật ngang giá chung duy nhất cho mọi loại hàng hóa thì nó cũng là một loại hàng hóa, cũng có giá trị GTSD và GT

Thứ hai, khi lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội phát triển đến một trình độ nhất định, sản xuất trao đổi trở nên thường xuyên và thị trường mở rộng thì nhu cầu của xã hội là cần có một vật ngang giá chung duy nhất để thuận tiện cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa, vì vậy mà một hoặc một số loại hàng hóa được tách ra để làm tiền tệ.

Tiền tệ có những chức năng đặc biệt mà không hàng hóa nào có được: Thước đo giá trị; Phương tiện lưu thông; Phương tiện cất trữ; Phương tiện thanh toán; Tiền thế giới

Tiền tệ là một thứ hàng hoá đặc biệt, được tách ra khỏi thế giới hàng hoá, dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của tất cả các loại hàng hoá khác. Nó trực tiếp thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ sản xuất giữa những người sản xuất hàng hóa.

Tiền tệ ra đời là kết quả lâu dài và tất yếu của quá trình sản xuất và trao đổi hàng hóa : ứng với mỗi giai đoạn của sản xuất và trao đổi hàng hóa có một hình thái biểu hiện của giá trị. Hình thái biểu hiện “chói lọi” nhất của giá trị là hình thái tiền tệ. Tiền được xã hội chọn làm vật ngang giá duy nhất, dùng để đo lường giá trị hàng hóa và làm phương tiện trung gian trao đổi. Con người thường dùng vàng, bạc làm vật ngang giá trong trao đổi vì chúng có giá trị cao và có giá trị sử dụng đa dạng.

### **Câu 5: Quy luật giá trị - quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa**

**Nội dung quy luật:** quy luật giá trị yêu cầu việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở của hao phí lao động xã hội cần thiết. việc sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên giá trị thị trường của sản phẩm. Trong sản xuất, quy luật giá trị buộc các nhà sản xuất phải làm cho hao phí lao động xã hội cá biệt nhỏ hơn hoặc bằng hao phí lao động xã hội. Trong lưu thông, quy luật giá trị điều tiết giá cả vận động xoay quanh giá trị. Giá trị là yếu tố quyết định giá cả trên thị trường.

### ***Quan hệ giữa cung- cầu với giá cả và giá trị***

Khi cung < cầu => giá cả tăng lớn hơn giá trị thực => lợi nhuận tăng=> thu hút đầu tư. Cạnh tranh gay gắt + lượng hàng ra thị trường tăng, giá cả giảm

Khi cung > cầu => giá cả giảm nhỏ hơn giá trị thực => lợi nhuận giảm => rời bỏ ngành. Mật độ cạnh tranh giảm và lượng hàng hóa ra thị trường giảm, giá cả tăng

Khi cung = cầu => giá cả ổn định. Giá cả = giá trị thực

Kết luận: quy luật cung- cầu quyết định giá cả hàng hóa trong điều kiện cụ thể, quy luật giá trị điều tiết sự biến động của giá cả trong dài hạn. Giá cả thường vận động khác với giá trị, nhưng không thể tách rời giá trị. Đối với mỗi trường hợp riêng biệt, giá cả có thể khác giá trị nhưng xét trong phạm vi tổng thể thì tổng giá cả luôn bằng tổng giá trị.

### ***Tác dụng của quy luật giá trị***

Thúc đẩy sự đổi mới công nghệ, thúc đẩy quản lý để nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

Điều tiết lưu thông hàng hóa vào các thị trường có giá cao, điều tiết đầu tư vào các ngành khan hiếm.

Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên, phân hóa giai cấp, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng thu nhập trong xã hội

Tóm lại, quy luật giá trị là quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa. Một mặt làm phân hóa giàu nghèo bất bình đẳng thu nhập trong xã hội, mặt khác nó chi phối sự lựa chọn tự nhiên, kích thích các nhân tố tích cực và đào thải các nhân tố yếu kém

→ làm xuất hiện quan hệ sản xuất TBCN, cơ sở ra đời của CNTB

### **Câu 6: Cơ chế thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường**

**Thị trường** là tổng hòa những quan hệ kinh tế trong đó nhu cầu của các chủ thể được đáp ứng thông qua việc trao đổi, mua bán với sự xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội.

**Cơ chế thị trường** là hệ thống các quan hệ mang tính tự điều chỉnh tuân theo yêu cầu của các quy luật kinh tế

**Nền kinh tế thị trường** là nền kinh tế được vận hành theo cơ chế thị trường. Đó là nền kinh tế hàng hóa phát triển cao, ở đó mọi quan hệ sản xuất và trao đổi đều được thông qua thị trường, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật thị trường

Có rất nhiều chủ thể khác nhau tham gia thị trường, mỗi chủ thể có những vai trò quan trọng riêng. Có 4 chủ thể chính sau: người sản xuất, người tiêu dùng, chủ thể trung gian, Nhà nước.

Người sản xuất hàng hóa là những người sản xuất và cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra thị trường nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Người tiêu dùng là những người mua hàng hóa, dịch vụ trên thị trường để thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng. Có vai trò rất quan trọng trong định hướng sản xuất

Các chủ thể trung gian trong thị trường là những cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sản xuất, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ trên thị trường. Nhờ vai trò của các trung gian này mà nền kinh tế thị trường trở nên linh hoạt hơn.

Trong nền kinh tế thị trường, xét về vai trò kinh tế thì Nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế đồng thời thực hiện những biện pháp để khắc phục những khuyết tật của thị trường. vai trò chủ yếu của Nhà nước là kiến tạo môi trường vĩ mô của nền kinh tế

**\*chú ý: ( học cái này để trả lời định nghĩa cho phần bài tập để tròn 4 điểm nha)**

**Tỷ suất giá trị thặng dư là tỷ số tính theo phần trăm giữa số lượng giá trị thặng dư và tư bản khả biến tương ứng để sản xuất ra giá trị thặng dư đó.**

**Tích lũy tư bản là quá trình tư bản hóa giá trị thặng dư (m) để mở rộng quy mô đầu tư.**

**Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối là phương pháp sản xuất ra GTTD được thực hiện bằng cách rút ngắn thời gian lao động tất yếu để kéo dài một cách tương ứng thời gian lao động thặng dư trên cơ sở tăng năng suất lao động xã hội trong điều kiện độ dài ngày lao động không đổi. Việc rút ngắn thời gian lao động ở đây được thực hiện bằng cách hạ thấp giá trị sức lao động, nhờ đó tăng thời gian lao động thặng dư lên.**

**Sản xuất GTTD tuyệt đối là phương pháp sản xuất ra GTTD được thực hiện trên cơ sở kéo dài tuyệt đối ngày lao động của công nhân trong điều kiện thời gian lao động tất yếu, năng suất lao động, giá trị sử dụng lao động không đổi và giá trị thặng dư được sản xuất ra bằng phương pháp này gọi là giá trị thặng dư tuyệt đối.**

**Giá trị thặng dư siêu ngạch là phần GTTD thu được dôi ra ngoài GTTD bình thường do giá trị cá biệt nhỏ hơn giá trị xã hội của hàng hóa.**

**Tích tụ TB: là tăng quy mô của TB cá biệt bằng cách tích lũy TB của từng nhà TB**

**Tập trung TB: là sự hợp nhất nhiều TB nhỏ thành TB lớn**

**Tư bản bất biến: Bộ phận tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất mà giá trị của chúng được bảo tồn và chuyển dịch nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm, tức là không biến đổi về đại lượng giá trị, Mác gọi là tư bản bất biến.**



**Tư bản khả biến:** Bộ phận tư bản dùng để thuê sức lao động không tái hiện ra, nhưng nhờ lao động trừu tượng người công nhân làm thuê mà tăng lên, tức là có sự biến đổi về số lượng, Mác gọi là tư bản khả biến, ký hiệu là V.  
Tư bản khả biến tồn tại dưới hình thức tiền lương.

**Tỉ suất lợi nhuận:** là tỉ lệ giữa tổng số lợi nhuận với toàn bộ TB ứng trước để sản xuất kinh doanh:

#### **Câu 14: Phân tích đặc điểm sự tập trung sản xuất và sự hình thành tổ chức độc quyền**

##### ***Các nguyên nhân dẫn tới sự hình thành các tổ chức độc quyền***

Do sự cạnh tranh tự do, tư bản lớn ngày càng phát triển mạnh, tư bản nhỏ ngày càng làm ăn thua lỗ, phá sản. Chỉ còn lại các nhà tư bản lớn cạnh tranh dẫn đến: Chi phí lớn, Khó phân thắng bại, Rủi ro cao, Tư bản lớn thỏa hiệp, liên minh với nhau tạo nên các tổ chức độc quyền.

Do sự phát triển của khoa học kĩ thuật: nhu cầu ứng dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất cần vốn lớn, nhưng thời gian hoàn vốn chậm và rủi ro cao nên từng nhà tư bản cá biệt khó thích ứng và đáp ứng. việc tập trung tư bản, liên minh, liên kết giúp giải quyết vấn đề này. Và đó là tiền đề tạo nên các tổ chức độc quyền

Khủng hoảng kinh tế: khi khủng hoảng kinh tế xảy ra, tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế đều bị ảnh hưởng. tư bản nhỏ với khả năng kinh tế kém, dễ dàng bị phá sản. các nhà tư bản lớn, cũng bị ảnh hưởng nặng nề. và để phục hồi sản xuất, họ cần liên minh lại với nhau, tạo ra các tổ chức độc quyền.

Lenin định nghĩa: **tổ chức độc quyền** là liên minh các nhà tư bản, nắm giữ phần lớn việc sản xuất cũng như tiêu thụ hàng hóa, khống chế cả về đầu vào và đầu ra, từ đó thu được lợi nhuận độc quyền.

##### ***Các hình thức tổ chức độc quyền:***

Cartel: tổ chức độc quyền thấp nhất, sơ khai nhất, các thành viên kí thỏa thuận về sản lượng, thị trường và giá cả. Chỉ thống nhất về đầu ra nên liên minh khó bền vững

Syndicate: các thành viên thống nhất với nhau cả về lưu thông. Đầu vào và đầu ra sẽ do ban quản lí chung quản lí

Trust: các thành viên thống nhất với nhau cả về sản xuất và lưu thông. Các thành viên là các cổ đông.

Consortium : là những tổ chức độc quyền đa ngành thao túng nền kinh tế

Về hình thức: cấu trúc phức tạp: Trust+ syndicate

Về kinh tế: kết hợp tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng

Về chính trị: kết hợp giữa tư bản độc quyền và nhà nước tư sản.

**Biểu hiện mới** Từ giữa thế kỉ XX, bên cạnh các moios liên kết dọc và liên kết ngang còn phát triển liên kết mới- liên kết đa ngành, đa lĩnh vực thành các Conglomerate và concern khổng lồ.

- Về kinh tế: TCDQ thống trị các ngành hàng, nhưng có sự phát triển hệ thống các doanh nghiệp nhỏ đóng vai trò vệ tinh, gia công, thầu vụn... cho TCDQ

- Về cơ chế thao túng: Xuất hiện trở lại hệ thống doanh nghiệp nhỏ, là nhà cung cấp, gia công, đại lý cho các tổ chức độc quyền. Quá trình tích tụ và tập trung sx trên quy mô lớn diễn ra đồng thời với quá trình phi tập trung sản xuất, ngày càng xuất hiện nhiều các tổ chức độc quyền vừa và nhỏ

- Về hình thức: xuất hiện 2 hình thức mới là concern và Conglomerate

+ Giống nhau: Đều là tổ chức độc quyền đa ngành, thao túng thị trường quốc tế, là hãng đa quốc gia, xuyên quốc gia.

+ Khác nhau: Concern là TCDQ đa ngành, mà các ngành có liên hệ về kĩ thuật, có hàng trăm xí nghiệp, nhiều chi nhánh trên thế giới, Conglomerate là TCDQ đa ngành, mà các ngành không cần có liên hệ về kĩ thuật, kết hợp với các hãng vừa và nhỏ có thể không liên quan đến sản xuất hoặc dịch vụ. Lợi nhuận thu được từ các hoạt động chứng khoán

### **Câu 15: Phân tích đặc điểm xuất khẩu tư bản**

**Nguyên nhân** : - Do tình trạng "tư bản thừa" tại các nước phát triển. tức là tại các nước lớn, kinh tế bão hòa, thị trường đã bị các TCDQ thao túng.. => tỉ suất lợi nhuận ( $p'$ ) giảm => cần đầu tư ra nước ngoài để tìm  $p'$  cao

- Do lịch sử, nhiều nước tư bản lớn có thuộc địa nên cần đầu tư sang thuộc địa.

VD: Pháp đưa sang VN nền công nghiệp đóng tàu, khai thác mỏ,,,...

**Xuất khẩu tư bản** Là việc đầu tư tư bản ra nước ngoài để sản xuất GTTD và thực hiện GTTD ở nước ngoài nhằm làm phương tiện để bóc lột GTTD ở nước nhập khẩu

### **Các hình thức xuất khẩu tư bản:**

- Theo chủ thể xuất khẩu gồm XKTB của nhà nước nhằm mục tiêu kinh tế, chính trị, quân sự, hoặc XKTB của tư nhân nhằm mục đích lợi nhuận

- Theo cách thức đầu tư, gồm :

- + XKTB trực tiếp (FDI): Nhà tư bản trực tiếp đầu tư vốn và thực hiện SXKD
- + XKTB gián tiếp: đầu tư chứng khoán ở nước ngoài, cho nước ngoài vay tín dụng, lượng lãi suất, tài trợ ODA
- Theo hình thức hoạt động: Chi nhánh của công ty xuyên quốc gia, hoạt động tài chính, tín dụng của ngân hàng, chuyển giao công nghệ

### ***Biểu hiện mới của xuất khẩu tư bản:***

Hướng xuất khẩu tư bản có sự thay đổi cơ bản

- + Về dòng vốn đầu tư: xuất hiện dòng vốn đầu tư giữa các nước lớn với nhau, Vì:
  - KHKT phát triển tạo nên các ngành mới, các nước nhỏ chưa đủ đk để đầu tư, tiếp nhận sản xuất.
  - Để tính rào cản chính sách giữa các nước, có thể đầu tư qua nước thứ 3
- + Về chính trị: Nước lớn tăng cường sử dụng XKTB (của nhà nước và tự nhiên) để chi phối nền kinh tế (do ưu thế về vốn, công nghệ, thị trường) của nhỏ từ đó có khả năng chi phối chính trị, văn hóa, xã hội.
  - Chủ thể XKTB có thay đổi. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia ngày càng to lớn và ngày càng xuất hiện nhiều chủ thể XKTB là các nước phát triển như ở Châu Á
  - Hình thức xuất khẩu TB ngày càng đa dạng xen với xuất khẩu hàng hóa
  - Sự áp đặt mang tính thực dân trong xuất khẩu tư bản được bỏ dần thay vào đó là nguyên tắc cùng có lợi được tôn trọng.

## **Câu 16: Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước**

### ***nguyên nhân hình thành CNTB độc quyền Nhà nước:***

Trình độ xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất tạo mâu thuẫn với quan hệ sản xuất TBCN. Dẫn đến sự điều tiết bắt buộc của Nhà nước đối với kinh tế

Khoa học công nghệ và phân công lao động xã hội phát triển đã tạo ra nhiều ngành nghề mới ra đời mà tư nhân không muốn hoặc không thể làm. Vì vậy đòi hỏi nhà nước tư sản phải tham gia vào hoạt động kinh tế

Thời kỳ này phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh nên đòi hỏi Nhà nước tư sản phải có những biện pháp tích cực để cứu vãn

Xu hướng quốc tế hóa tạo sự mâu thuẫn giữa các tổ chức độc quyền quốc tế. Dẫn tới Nhà nước phải can thiệp

Chủ nghĩa Tư bản độc quyền Nhà nước là sự kết hợp sức mạnh của các tổ chức độc quyền tư nhân với sức mạnh của nhà nước tư sản thành một thiết chế thống nhất nhằm phục vụ lợi ích của các tổ chức độc quyền và cứu nguy cho CNTB

***Các hình thức kết hợp giữa TCDQ với Nhà nước tư sản:***

Sự kết hợp về nhân sự: thực hiện thông qua các đảng phái, nghiệp đoàn, hội chủ xí nghiệp, hình thức tham dự của các quan chức chính phủ và các tổ chức độc quyền... Các tổ chức độc quyền thông qua các đảng phái tư sản đã cử người của họ tham gia vào bộ máy chính phủ với những cương vị khác nhau..

Sự kết hợp hình thành khu vực kinh tế nhà nước và sở hữu Nhà nước bằng cách xây dựng các doanh nghiệp Nhà nước bằng ngân sách nhà nước, mua lại các xí nghiệp tư nhân, thực hiện quốc hữu hóa,..có nhiệm vụ ủng hộ và phục vụ lợi ích của tư bản độc quyền

Nhà nước can thiệp vào các quá trình kinh tế như sử dụng bạo lực và cưỡng bức siêu kinh tế, đánh thuế, pháp luật, .....

***Thành tựu*** của chủ nghĩa tư bản đó chính là chuyển nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn hiện đại, phát triển lực lượng sản xuất, thực hiện xã hội hóa sản xuất, chuyển nền văn minh công nghiệp lên nền văn minh hậu công nghiệp

***Hạn chế*** của chủ nghĩa tư bản: mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn tập trung chủ yếu vì lợi ích của thiểu số giai cấp tư sản, chủ nghĩa tư bản đã và đang tiếp tục tham gia gây chiến tranh và xung đột nhiều nơi trên thế giới, sự phân hóa giàu nghèo trong lòng các nước tư bản có chiều hướng ngày càng sâu sắc.

**Câu 17: Phân tích đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam**

***Kinh tế thị trường*** là nền kinh tế hàng hóa vận hành theo cơ chế thị trường, phát triển tới trình độ cao, trong đó, quan hệ sản xuất và trao đổi đều thông qua thị trường và chịu sự điều tiết bởi các quy luật khách quan của thị trường.

***Kinh tế thị trường định hướng XHCN*** là nền kinh tế thị trường đầy đủ, mang đặc trưng là định hướng XHCN, có Nhà nước do ĐCS lãnh đạo nhằm mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”

## ***Cơ sở tất yếu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam***

Cơ sở lý luận: quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất

Lực lượng sản xuất của Việt Nam đi từ nền sản xuất nhỏ. Vì thế quan hệ sản xuất cần dựa trên kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Do đó, Việt Nam lựa chọn kinh tế thị trường chứ không phải nền kinh tế bao cấp chỉ huy như trước đổi mới

Lịch sử kinh tế thị trường của tư bản chủ nghĩa còn nhiều mâu thuẫn, hạn chế. Vì thế cần có hướng đi khác để đảm bảo sự phát triển bền vững. Do đó, Việt Nam lựa chọn nền kinh tế thị trường định hướng XHCN chứ không phải TBCN.

Cơ sở thực tiễn: Việt Nam cần hội nhập, phát triển kinh tế, thực hiện mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”

Để hội nhập hệ thống phân công lao động thế giới, Việt Nam cần nền kinh tế thị trường. Để hạn chế sự bất bình đẳng, phân hóa giai tầng, VN cần có định hướng XHCN.

Do đặc thù lịch sử Việt Nam: ĐCS lãnh đạo thành công Cách mạng Dân tộc Dân chủ, khác với quy luật phổ biến của thế giới là giai cấp tư sản thực hiện Cách mạng Dân chủ.

## ***Đặc trưng định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường tại Việt Nam, khác biệt với các nền kinh tế thị trường TBCN***

Nội dung	Nền KTTT định hướng XHCN	Nền KTTT Tư bản chủ nghĩa
Mục đích	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH, đặt lợi ích của nhân dân lên trên	Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNTB, đặt lợi ích của các tập đoàn tư bản lên trên
Quan hệ sở hữu	Nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo	Nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư nhân giữ vai trò chủ đạo
Quan hệ quản lý nền kinh tế	Cơ chế thị trường tự điều tiết Sự điều tiết Nhà nước định hướng XHCN	Cơ chế thị trường tự điều tiết Sự điều tiết của Nhà nước TBCN và sự chi phối của giới tài phiệt
Quan hệ phân phối	Nhiều hình thức phân phối, phân phối theo lao động là chủ đạo	Nhiều hình thức phân phối, phân phối theo vốn góp là chủ đạo
Kiến trúc thượng tầng	Nhà nước do ĐCS cầm quyền	Nhà nước do các Đảng phái tranh cử nắm quyền

Trong các đặc trưng trên, đặc trưng về Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trình độ cao của CNXH là quan trọng nhất. Vì đó là nền móng để phát triển quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng đi theo định hướng XHCN.

**Câu 18: Khái niệm, cấu trúc thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong hoàn thiện thể chế.**

***Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN:*** là hệ thống đường lối chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng cộng sản, luật pháp, chính sách và bộ máy quản lý của Nhà nước; cùng với cơ chế vận hành. Có tác dụng điều chỉnh quan hệ lợi ích và phương thức hoạt động của các chủ thể kinh tế. Nhằm mục đích xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trình độ cao của CNXH, một xã hội “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

***Các bộ phận cấu thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN:***

Đường lối, pháp luật: Đường lối kinh tế - xã hội của Đảng Cộng sản; Luật pháp, chính sách, quy tắc, chế định ...

Các chủ thể tham gia vào thị trường: Bộ máy quản lý Nhà nước; DN và các Tổ chức xã hội đại diện cho DN; Dân cư, các Tổ chức chính trị - xã hội

Cơ chế vận hành: Cơ chế thị trường, thông qua quy luật của thị trường như: QL giá trị, QL cung-cầu, QL cạnh tranh ... Cơ chế vận hành của các chủ thể trên thị trường. Gồm có: Cơ chế phân cấp, Cơ chế phối hợp, Cơ chế giám sát đánh giá, Cơ chế tham gia

***Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN:***

Do yêu cầu của thực tiễn: Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hướng tới trình độ phát triển cao, hiện đại, phát huy ưu thế của cơ chế thị trường, đồng thời khắc phục những hạn chế của CNTB. Trong khi điều kiện thực tiễn của Việt Nam còn nhiều hạn chế. Vì thế, cần hoàn thiện Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Do sự dịch chuyển cơ sở hạ tầng của nền kinh tế: Việt Nam dịch chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, hội nhập kinh tế quốc tế => Từ đó đòi hỏi sự hoàn thiện về kiến trúc thượng tầng, tức là phải nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước thông qua thể chế. Như vậy cần phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Do xu thế phát huy vai trò của xã hội trong xây dựng thể chế: Các Tổ chức chính trị - xã hội và Tổ chức xã hội - nghề nghiệp đang phát triển mạnh mẽ. Đó là sự đại diện cho các thành phần xã hội, có vai trò phản biện xã hội, theo tinh thần dân chủ và xây dựng => Vì thế, cần tiếp tục hoàn thiện Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Nhiệm vụ phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN

Thứ nhất, vai trò phát triển lý luận, hoạch định đường lối

Thứ hai, vai trò chỉnh đốn, giám sát, phòng chống tham nhũng

Thứ ba, vai trò lãnh đạo, phát huy dân chủ trong Đảng và trong toàn xã hội.

**Câu 19: Phân tích quan hệ lợi ích kinh tế và vai trò của Nhà nước trong việc điều hòa quan hệ lợi ích kinh tế**

**Lợi ích kinh tế:** Là sự đáp ứng, sự thỏa mãn về các nhu cầu mà con người muốn đạt được khi thực hiện các hoạt động kinh tế.

**Quan hệ lợi ích kinh tế:** Là mối quan hệ tương tác giữa các chủ thể kinh tế để xác lập lợi ích kinh tế của mình, trong mối liên hệ với Lực lượng sản xuất và Kiến trúc thượng tầng.

**Các kiểu quan hệ lợi ích kinh tế:**

Xét theo chiều ngang, với các giai tầng trong xã hội thì có:

Quan hệ lợi ích giữa Người lao động và Doanh nghiệp (tức là giữa giai cấp Công nhân và giai cấp Tư sản)

Quan hệ lợi ích giữa Doanh nghiệp với nhau (tức là nội bộ giai cấp Tư sản)

Quan hệ lợi ích giữa Người lao động với nhau (tức là nội bộ giai cấp CN, NDLD)

Xét theo chiều dọc, với các cấp độ thì có: Quan hệ giữa Lợi ích cá nhân, Lợi ích nhóm, Lợi ích xã hội.

Phương thức giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế:

Phương thức cạnh tranh: các chủ thể ganh đua, giành giật lợi ích kinh tế, ưu thế kinh tế

Phương thức thống nhất: các chủ thể thỏa thuận với nhau, phân chia lợi ích kinh tế, đôi bên cùng có lợi (win – win)

Phương thức áp đặt: chủ thể có vị thế cao, có điều kiện thuận lợi hơn sẽ áp đặt chủ thể còn lại phải tuân thủ và phục tùng.

***Vai trò của Nhà nước trong việc điều hòa các quan hệ lợi ích kinh tế:***

Xây dựng và bảo vệ môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích hợp pháp của các chủ thể kinh tế

Kiểm soát, ngăn chặn các hoạt động tìm kiếm lợi ích phi pháp, gây tác động tiêu cực cho sự phát triển xã hội

Giải quyết các xung đột trong quan hệ lợi ích kinh tế, theo các chuẩn mực pháp lý minh bạch, khách quan

Điều hòa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, lợi ích xã hội và phân phối lại thu nhập.

**Câu 20: Đặc trưng của Cách mạng khoa học công nghệ hiện đại và nội dung Công nghiệp hóa của Việt Nam, thích ứng với CM Công nghiệp 4.0**

***Thành tựu các cuộc CM công nghiệp trong lịch sử nhân loại:***

*Cách mạng công nghiệp* là sự phát triển về chất của tư liệu lao động, trên cơ sở ứng dụng những phát minh đột phá về khoa học, kỹ thuật công nghệ một cách có hệ thống; từ đó, tạo ra sự phát triển về chất của phân công lao động xã hội, dẫn đến năng suất lao động vượt trội, và những ứng dụng mới làm thay đổi căn bản phương thức lao động, quản trị và sinh hoạt của con người.

CMCN	CMCN 1.0	CMCN 2.0	CMCN 3.0	CMCN 4.0
Nơi khởi nguồn	Nước Anh	Nước Mỹ	Nước Mỹ	Dự báo bùng nổ ở nhiều trung tâm kinh tế
Thời gian bắt đầu	Giữa đến cuối thế kỷ 18	Cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20	Cuối thế kỷ 20	Dự báo khoảng giữa thế kỷ 21
Thành tựu	Cơ khí hóa sản xuất, năng lượng đốt than, động cơ hơi nước	Điện khí hóa sản xuất; động cơ đốt trong; phương pháp tổ chức sản xuất dây chuyền...	Kết nối không dây; điều khiển tự động, internet, công nghệ sinh học ADN...	Siêu CSDL (big data), Siêu kết nối (IoT), Trí tuệ nhân tạo AI



Kết quả	Khởi đầu Công nghiệp hóa, hình thành chủ nghĩa tư bản, nhưng vẫn dựa trên các phương pháp quản trị thủ công	Hạ tầng phát triển, hình thành chủ nghĩa tư bản độc quyền, thúc đẩy thương mại quốc tế	Bùng nổ thông tin, toàn cầu hóa	Siêu hạ tầng kỹ thuật, kinh tế tri thức thay cho kinh tế công nghiệp
---------	---	--	---------------------------------	--

### ***Hai đặc trưng của CM khoa học công nghệ hiện đại***

**Khoa học trở thành LLSX trực tiếp:** Ngày nay Khoa học trở thành Lực lượng sản xuất trực tiếp, bởi vì: Sử dụng tri thức khoa học có vai trò chủ yếu và trực tiếp để tạo nên sản phẩm; Các ngành sản xuất dựa trên thành tựu của Cách mạng Công nghiệp hiện đại ngày càng chiếm tỷ trọng chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân

**Thời gian nâng cấp các phát minh ngày càng rút ngắn:** Ngày nay, việc nâng cấp các phát minh ngày càng được rút ngắn do LLSX ngày càng phát triển, các DN ra sức cạnh tranh, chạy đua về công nghệ. Do đó, để nâng cấp một phát minh chỉ cần trong vài tháng, chứ không còn phải mất nhiều thời gian, mất nhiều năm để có 1 phát minh ra đời.

### ***Khái niệm do Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra về Công nghiệp hóa***

**Về tính chất:** Quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện

**Về phạm vi:** trong các hoạt động bao gồm Đầu tư, Sản xuất kinh doanh, Dịch vụ và Quản lý kinh tế - xã hội

**Về nội dung:** Từ sử dụng lao động thủ công với phương tiện thô sơ là chính; sang sử dụng phổ biến lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp hiện đại, dựa trên thành tựu của CM KHCN

**Về mục đích:** Nhằm tạo ra NSLĐ cao, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật củ CNXH & Phát triển bền vững

### ***Lưu ý: Đặc điểm thực hiện Công nghiệp hóa tại VN***

**Về thể chế và mục tiêu:** CNH trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN

**Về kỹ thuật công nghệ:** CNH trong sự bùng nổ CM Công nghiệp hiện đại lần thứ ba, thứ tư...

**Về thị trường:** CNH trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế

**3 nội dung của Công nghiệp hóa** (phát triển LLSX, điều chỉnh QHSX, dịch chuyển cơ cấu kinh tế) => có liên hệ với CM Công nghiệp 4.0

*Một là, phát triển LLSX, trên cơ sở thành tựu Cách mạng KHCN hiện đại*

Ứng dụng các thành tựu công nghệ 4.0, đặc biệt là công nghệ số vào đồng bộ các lĩnh vực của nền kinh tế (nông nghiệp, dịch vụ, sản xuất hàng tiêu dùng ...) hướng tới xây dựng nền kinh tế tri thức

Tập trung phát triển tiềm lực KH&CN, đổi mới căn bản giáo dục đào tạo nhân lực trình độ cao. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp trong toàn xã hội

Đầu tư hạ tầng đồng bộ, tiếp cận trình độ tiên tiến nhất trong các lĩnh vực trọng điểm như viễn thông, CNTT, truyền thông, tài chính ngân hàng ...

*Hai là, chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý, hiệu quả*

Cụ thể: Dịch chuyển cơ cấu kinh tế thích ứng với Cách mạng Công nghiệp 4.0: Nâng cao tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, (đặc biệt là công nghiệp công nghệ cao), giảm tỷ trọng của nông nghiệp. Nhưng cả 03 lĩnh vực đều tăng về giá trị; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa “Nông nghiệp, Nông thôn & Nông dân”; Quy hoạch vùng kinh tế, chuẩn bị các chiến lược phát triển mới phù hợp với sự biến đổi khí hậu và xu thế của thị trường nhân lực trong bối cảnh hội nhập

*Ba là, điều chỉnh QHSX và Kiến trúc thượng tầng phù hợp với sự phát triển LLSX*

Kinh tế Nhà nước dựa trên công hữu vẫn là chủ đạo; Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng Chính phủ điện tử, phòng chống tham nhũng; Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, kinh tế tư nhân là một nguồn lực then chốt cho CNH, HĐH; Tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, trên nguyên tắc đảm bảo nền kinh tế độc lập tự chủ, đảm bảo an ninh quốc phòng.